

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 12/08/2020

Tổng quan thị trường		
	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	846,92	116,10
Thay đổi (%)	0,46%	0,17%
KLGD (triệu CP)	272,49	44,15
GTGD (tỷ VNĐ)	4.513,22	579,51
Số CP tăng giá	206	78
Số Cp đứng giá	88	205
Số Cp giảm giá	179	71
Chỉ số tài chính		
	HSX	HNX
PB (lần)	1,88	0,99
PE (lần)	13,96	9,16
Hệ số Beta	1,00	0,79
ROE (%)	16,56%	14,32%
ROA (%)	6,76%	4,96%
Giao dịch thỏa thuận		
	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	34,07	6,55
GTGD (tỷ VNĐ)	674,00	124,12
Giao dịch NĐT NN		
	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	371,10	1,78
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	467,62	6,78
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	96,52	4,99
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	101,51	
Chỉ số HĐTL		
	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	788,42	3,85
VN30F2008	791,00	4,00
VN30F2009	787,90	1,90
VN30F2012	780,20	0,40
VN30F2103	779,80	2,70
Thị trường thế giới		
	Đóng cửa	(%)
DJI *	27.686,91	0,38%
S&P 500 *	3.333,69	0,80%
DAX *	12.946,89	2,04%
FTSE 100 *	6.154,34	1,71%
Nikkei 225	22.843,96	0,41%
Hang Seng	25.244,02	1,42%

** Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước*

DẦU KHÍ VÀ HÀNG KHÔNG DẪN ĐẦU, VNINDEX TĂNG GẦN 4 ĐIỂM

Diễn biến thị trường:

Thị trường mở cửa với tâm lý lạc quan của nhà đầu tin sau thông tin Nga đã sản xuất được thành công vắc xin chống virus Covid-19 đầu tiên trên thế giới. Tuy nhiên, sắc xanh mặc dù được duy trì trong hầu hết phiên giao dịch nhưng có sự phân hóa mạnh mẽ giữa các cổ phiếu mà không lan tỏa ra toàn thị trường. Phải đến cuối phiên chiều, lực mua mới trở lên rõ nét ở các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là ở các cổ phiếu họ dầu khí đã kéo chỉ số VN-Index đóng cửa ở mốc 846,92 điểm, tăng 0,46% so với ngày hôm qua. Hầu hết các cổ phiếu dầu khí đóng cửa với mức tăng mạnh như PVD tăng 3,9%, PVT 5,3%, OIL 2,7%, GAS 1,7%...

Nếu như nhóm dầu khí là nhân tố chính kéo thị trường vào cuối phiên giao dịch thì nhóm cổ phiếu dẫn đầu thị trường trong suốt thời gian còn lại lại là nhóm cổ phiếu ngành hàng không. Nguyên nhân do đây là các cổ phiếu được hưởng lợi đầu tiên khi dịch bệnh được kiểm soát. ACV đóng cửa với mức tăng 1,9%, HVN tăng 2,1% và VJC tăng 1,0%. Nhóm ngân hàng cũng có phiên giao dịch với mức tăng khá, tiêu biểu là các cổ phiếu BID tăng 1,8%, MBB 2,1%, VPB 1,2%, TCB 1,0%.

Về mặt thanh khoản, giá trị giao dịch trên sàn HSX đã có sự cải thiện so với phiên giao dịch ngày hôm qua nhưng chưa có sự đột biến. Tổng giá trị giao dịch trên sàn HSX đạt 4.513,22 tỷ tăng 7,86% so với phiên giao dịch trước đó nhưng thấp hơn 6,50% so với trung bình 15 phiên giao dịch gần nhất.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 4 liên tiếp trên sàn HOSE với giá trị ròng là 96,52 tỷ. Đáng chú ý, sự bán ròng của khối ngoại tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu bất động sản với giá trị là VHM 73,11 tỷ, DXG 17,39 tỷ, NVL 17,14 tỷ, VRE 15,67 tỷ. Ở chiều mua của khối ngoại nổi bật là VNM với giá trị ròng 79,44 tỷ. Các cổ phiếu khác như GAS 9,66 tỷ, MSN 7,31 tỷ, HDB 6,66 tỷ.

Diễn biến CP CSI:

Trong phiên hôm nay bên bán và bên mua vẫn chưa đạt được mức giá chung, khiến cho cổ phiếu CSI không xuất hiện giao dịch nào. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 14.800 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Những phiên giao dịch với mức tăng điểm trong biên độ nhỏ đã tạo nên một đường dốc thoải trên đồ thị của VN-Index. Điều này thể hiện cho xung lực giá đang yếu dần và rất có thể đây là sự tích lũy cho một đà tăng mới của chỉ số Vnindex như những nhận định trước đây của chúng tôi. Bên cạnh đó, với thông tin về dịch bệnh đang dần được kiểm soát tốt ở nước ta và triển vọng về việc sản xuất vắc xin đang gần kề, chúng tôi cho rằng thị trường đang ở trong giai đoạn tương đối ổn định. Mặc dù vậy, nhà đầu tư vẫn nên hạn chế mua đuổi giá xanh ở những cổ phiếu đã tăng mạnh giai đoạn vừa qua để giảm thiểu rủi ro trong trường hợp thị trường có diễn biến bất ngờ.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	QUÁ MUA	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Sau phiên chớm đỏ hôm qua thì phiên hôm nay sắc xanh đã quay về với xu hướng thường thấy trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, biên độ tăng điểm còn rất nhỏ và thanh khoản thì vẫn duy trì ở bình thường nên chưa có gì ảnh hưởng mạnh đến chiều hướng đã thiết lập trước đó.

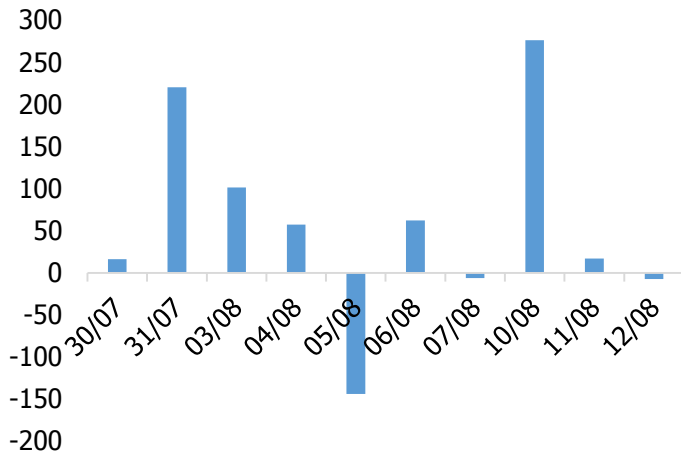
Quan sát 5 phiên gần đây, dù số phiên tăng điểm chiếm ưu thế, nhưng nhìn chung cả 5 phiên đều có biên độ biến động rất nhỏ và đều duy trì xu hướng đi ngang, tích lũy trong biên độ hẹp. Trước những biến biến đó, chúng tiếp tục bảo lưu quan điểm cũ, đó là giữ danh mục hiện tại và chưa vội chốt lời. Song song với đó, chúng tôi ưu tiên vị thế quan sát và kiên nhẫn chờ thêm phiên bùng nổ để gia tăng thêm tỷ trọng CP.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

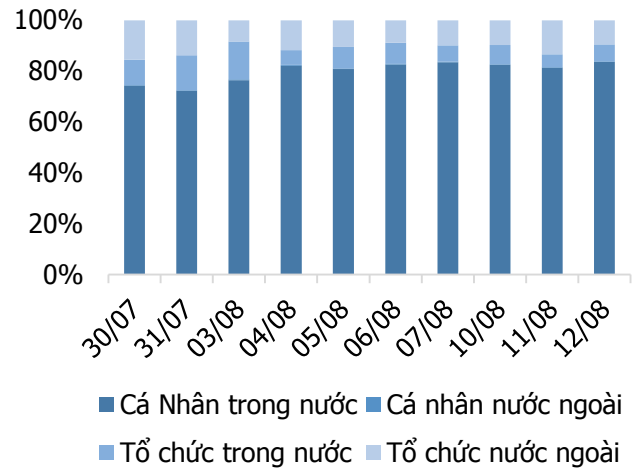
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



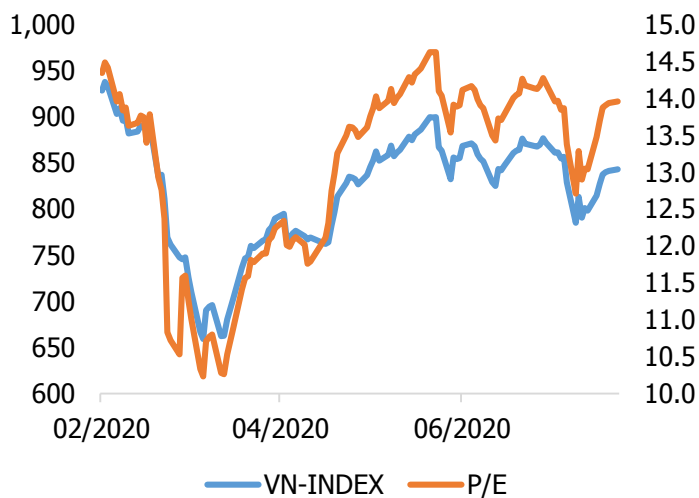
Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



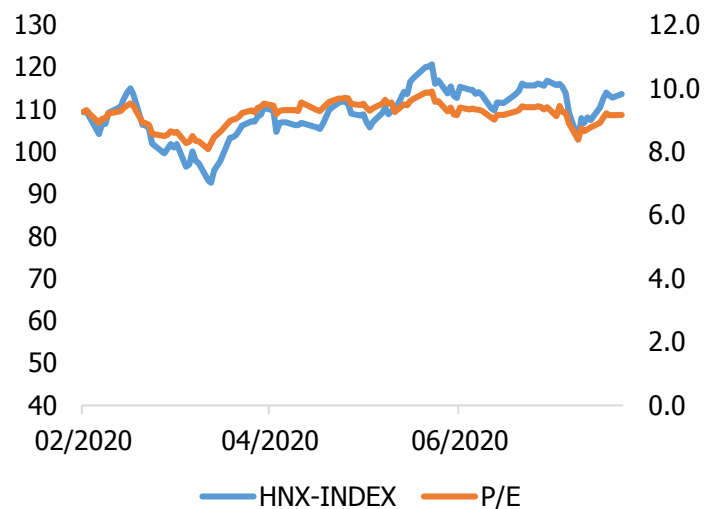
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HPG	24,300	17,958.58
FPT	47,500	10,838.51
MWG	79,800	10,833.28
PVT	10,850	4,182.62
VHM	79,400	4,051.67

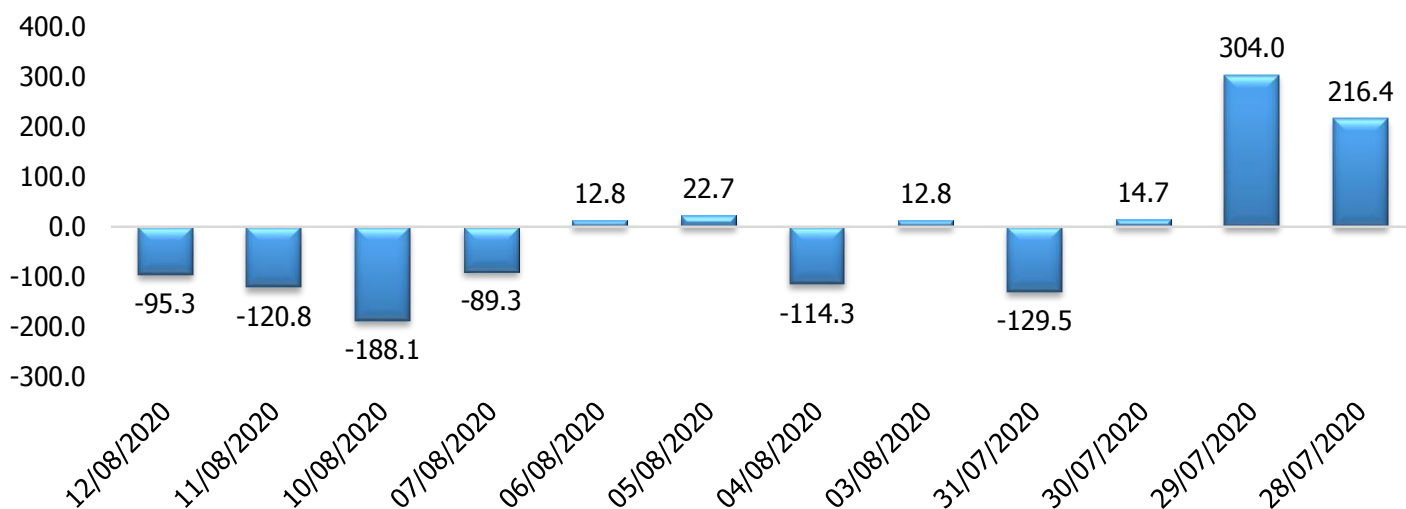
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
VPB	21,700	13,328.61
HPG	24,300	8,605.73
FPT	47,500	7,471.82
MBB	16,850	6,830.56
VNM	115,600	5,178.69

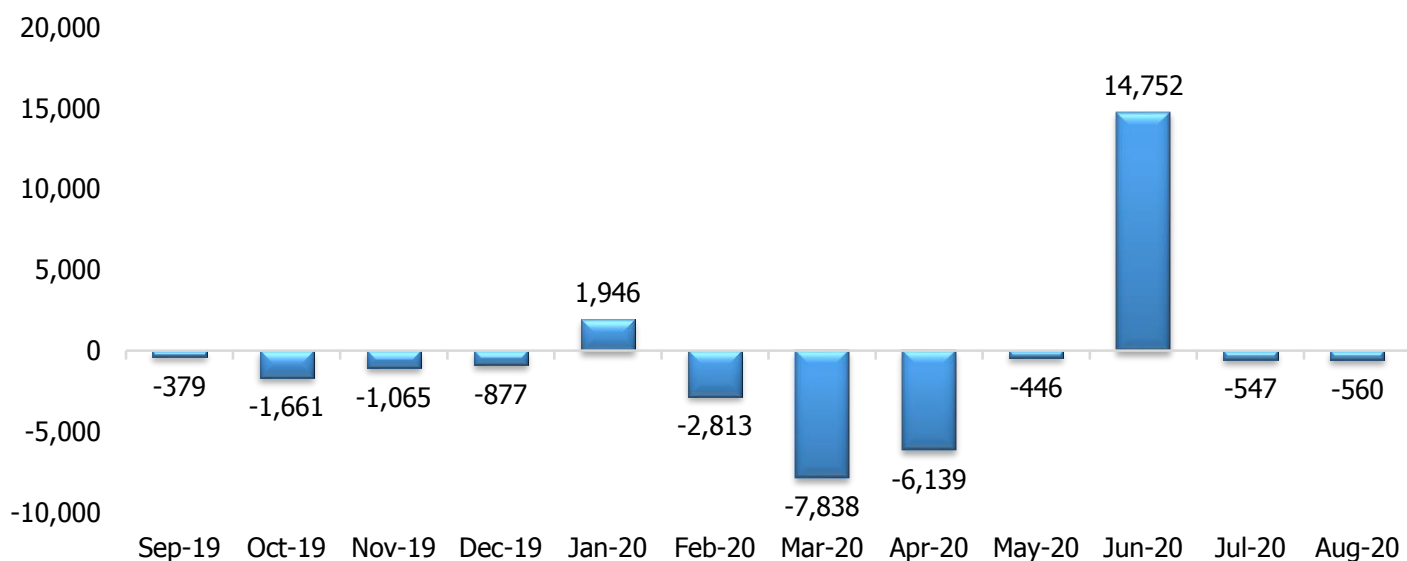
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

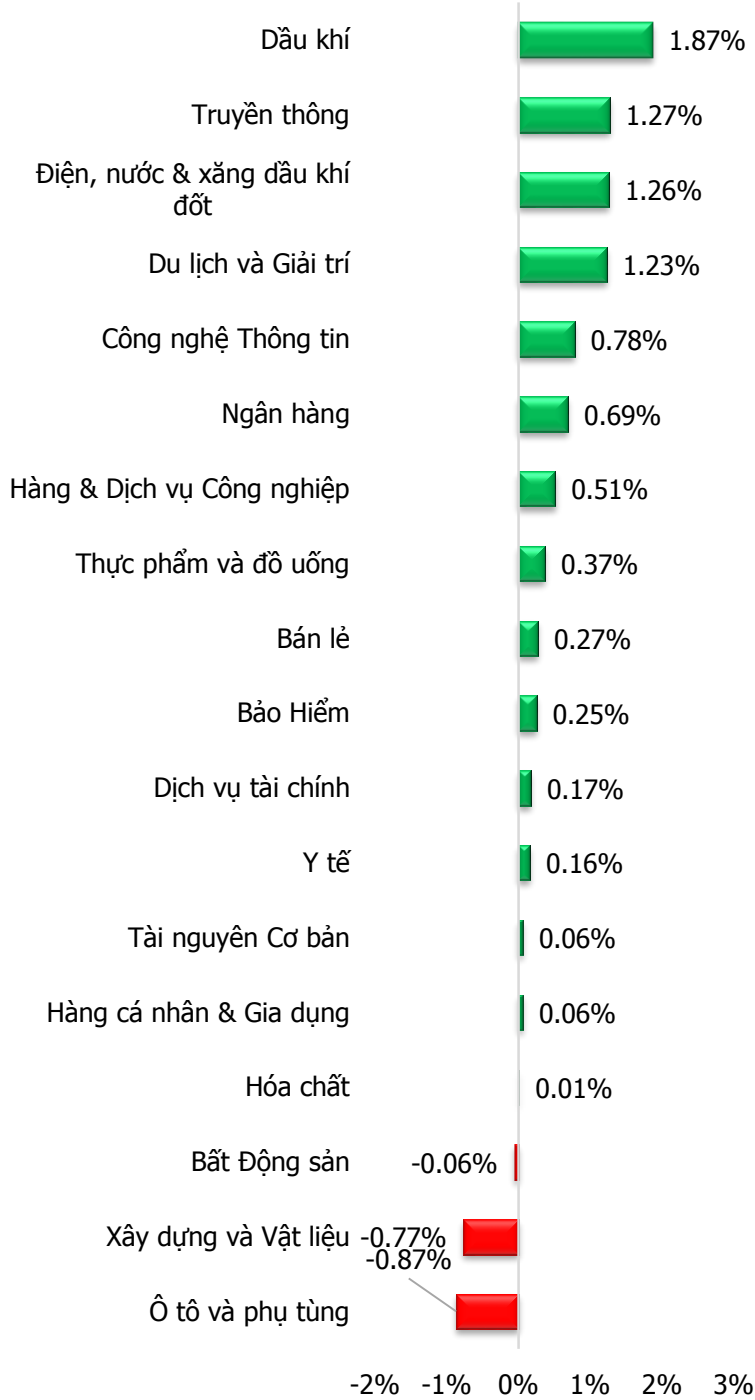
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VNM	79.45	VHM	73.12
GAS	9.66	HPG	17.39
MSN	7.31	VRE	17.14
HDB	6.65	VNM	15.67
PVT	6.59	DXG	8.37

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

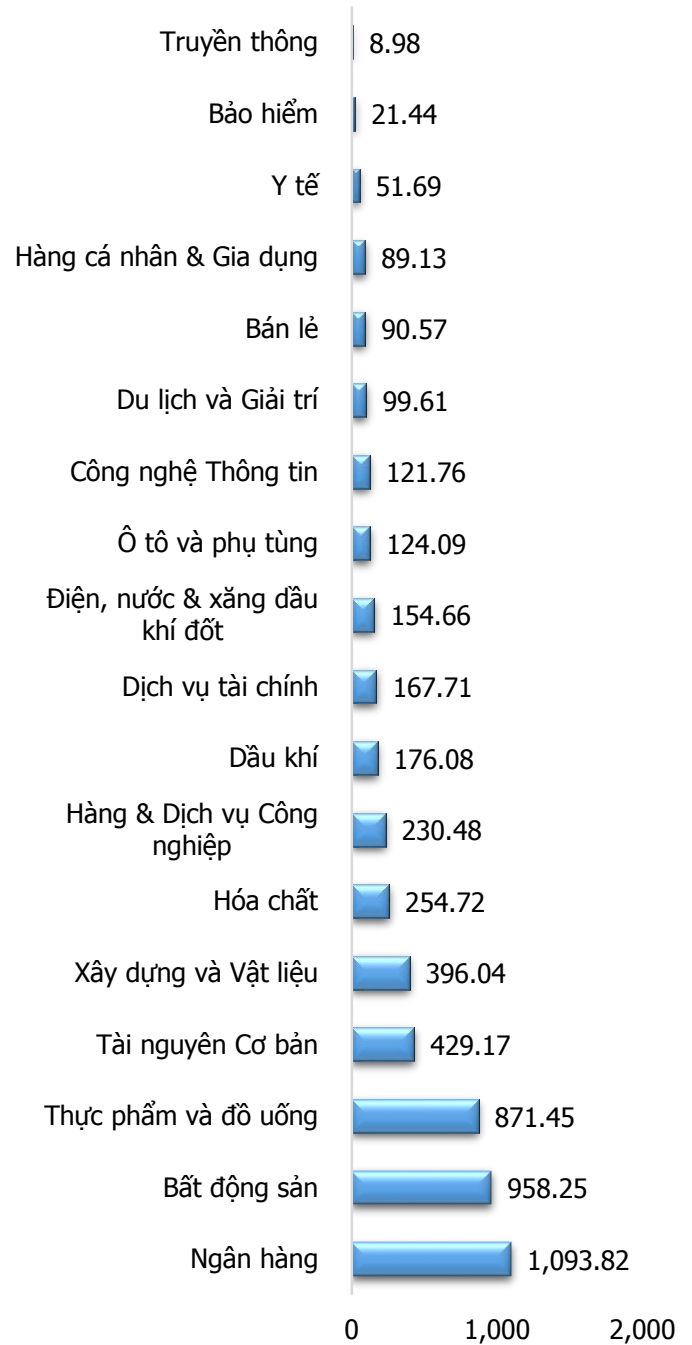
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
CVN	0.18	PVS	2.73
SHE	0.16	TKU	0.71
WCS	0.04	BVS	0.39
PPS	0.04	SHS	0.28
VTC	0.03	DNM	0.21

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiiipro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	AAA	11.8	13.1	10.8	12.00	11.70					Chờ khớp
	CHP	19.0	21.1	17.3	19.00	18.80					Chờ khớp
	DIG	12.7	14.1	11.6	12.70	12.60					Chờ khớp
	NHA	9.9	11.0	9.0	10.20	9.80					Chờ khớp
	PC1	18.2	20.2	16.6	18.45	18.00					Chờ khớp
	TIP	20.8	23.1	19.0	21.25	20.60					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nằm Giữ	HCM	17.8	19.7	16.2	17.75	17.60		8/12/2020		0.9%	Nằm giữ
	DLG	1.4	1.5	1.3	1.37	1.38		8/11/2020		-0.7%	Nằm giữ
	THG	50.1	55.6	45.6	50.00	49.60		8/11/2020		0.8%	Nằm giữ
	BMI	21.6	24.0	19.7	21.45	21.40		8/7/2020		0.2%	Nằm giữ
	C32	24.0	26.7	21.9	24.10	23.80		8/7/2020		1.3%	Nằm giữ
	LHG	20.2	22.4	18.4	22.70	20.00		8/6/2020		13.5%	Nằm giữ
	DGW	42.4	47.0	38.6	42.20	42.00		8/6/2020		0.5%	Nằm giữ
	D2D	56.1	62.2	51.1	57.50	55.50		8/6/2020		3.6%	Nằm giữ
	CDC	23.1	25.6	21.1	23.00	22.90		8/5/2020		0.4%	Nằm giữ
	KSB	22.3	24.8	20.3	24.20	22.10		8/5/2020		9.5%	Nằm giữ
	NVL	65.1	72.2	59.3	64.40	64.50		8/3/2020		-0.2%	Nằm giữ
	VSC	30.8	34.2	28.1	31.20	30.50		7/31/2020		2.3%	Nằm giữ
	L14	55.6	61.6	50.6	65.90	55.00		7/29/2020		19.8%	Nằm giữ
	SCS	111.1	123.2	101.2	111.50	110.00		7/29/2020		1.4%	Nằm giữ
	SZL	41.6	46.1	37.9	48.00	41.20		7/29/2020		16.5%	Nằm giữ
TPB	20.6	22.8	18.8	21.10	20.40		7/29/2020		3.4%	Nằm giữ	
TRC	31.2	34.6	28.4	32.10	30.90		7/8/2020		3.9%	Nằm giữ	
DHC	37.5	41.6	34.1	44.50	37.10		7/3/2020		19.9%	Nằm giữ	
NT2	22.1	24.5	20.1	21.60	21.90		6/23/2020		8.8%	Nằm giữ	
Danh Mục Đã Bán	SZC	23.0	25.5	21.0	26.50	22.80	27.00	7/29/2020	8/12/2020	18.4%	Đã bán
	DVN	10.9	12.1	9.9	11.50	10.80	11.60	7/3/2020	7/21/2020	7.4%	Đã bán
	KDH	23.6	26.2	21.5	22.85	23.40	23.50	7/29/2020	8/3/2020	0.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DAT	92,100	6,000	6.97%	3,850
DXV	3,230	210	6.95%	37,330
TCD	9,730	630	6.92%	30,570
YBM	4,340	280	6.90%	34,550
VPS	18,850	1,200	6.80%	25,520

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHA	10,200	935	10.09%	177,121
QNC	6,600	600	10.00%	29,338
PMS	14,300	1,300	10.00%	3,100
API	9,200	800	9.52%	3,500
TMX	12,700	1,100	9.48%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VNL	15,450	-1,150	-6.93%	100
HCD	3,200	-240	-6.98%	1,688,050
PNC	8,780	-660	-6.99%	70
LAF	8,640	-650	-7.00%	2,680
TIX	27,900	-2,100	-7.00%	20

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VTC	10,000	-1,100	-9.91%	1,296
SIC	14,500	-1,600	-9.94%	2,300
PCE	9,000	-1,000	-10.00%	1,744
MCF	900	-100	-10.00%	82,500
SPI	600	-100	-14.29%	255,720

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	2,290	-60	-2.55%	9,666,360
STB	10,750	100	0.94%	8,772,530
PVD	10,700	400	3.88%	6,723,930
MBB	16,850	350	2.12%	5,592,880
ASM	6,090	210	3.57%	5,173,260

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACB	25,400	1,600	6.72%	15,333,430
PVS	12,200	100	0.83%	3,942,616
MBG	5,300	400	8.16%	2,972,460
AAV	5,600	500	9.80%	791,410
NDN	15,100	793	5.54%	781,080

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	2,290	-60	-2.55%	9,666,360
HSG	11,250	-150	-1.32%	9,256,530
HPG	24,300	50	0.21%	8,827,420
STB	10,750	100	0.94%	8,772,530
HQC	1,680	10	0.60%	7,864,300

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACB	25,400	0	0.00%	6,091,725
MBG	5,800	500	9.43%	4,278,889
PVS	12,400	200	1.64%	3,787,351
NVB	8,600	-100	-1.15%	3,166,415
KLF	1,700	0	0.00%	2,328,486

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	154,848	19,040	2,164	0.7%	16.2%	17.79	2.02	1,213,692	39,200	14.76%
2	TCH	7,242	13,722	2,186	7.8%	8.7%	9.38	1.49	2,103,970	20,500	-6.80%
3	CTG	86,383	21,608	2,995	0.7%	11.9%	7.75	1.07	6,143,588	23,400	13.17%
4	KDH	12,800	14,375	2,045	5.5%	8.5%	11.93	1.70	1,004,600	24,150	3.39%
5	PLX	55,106	16,110	604	5.8%	16.2%	75.72	2.84	1,007,733	46,500	-22.61%
6	EIB	20,900	13,145	567	0.9%	8.6%	30.01	1.29	4,023,874	16,900	-3.95%
7	FPT	36,844	19,083	4,278	11.7%	23.0%	10.99	2.46	2,176,168	47,500	9.82%
8	GAS	133,977	27,347	5,193	17.5%	25.7%	13.48	2.56	673,054	71,200	-25.84%
9	POW	22,459	11,978	917	4.1%	9.5%	10.46	0.80	4,767,827	9,730	-28.70%
10	HDB	25,790	21,599	4,233	1.4%	18.6%	6.31	1.24	1,568,665	26,850	1.52%
11	HPG	80,347	15,817	2,626	16.4%	26.8%	9.24	1.53	10,910,550	24,300	28.32%
12	MBB	39,789	18,156	3,435	1.4%	14.9%	4.80	0.91	6,694,566	16,850	-16.92%
13	MSN	63,824	19,798	3,245	8.9%	26.1%	16.83	2.76	2,622,996	54,200	-28.25%
14	MWG	35,999	31,501	8,353	12.2%	41.3%	9.52	2.52	1,298,260	79,800	-31.41%
15	NVL	62,759	23,634	4,000	3.7%	13.6%	16.18	2.74	1,860,134	64,400	7.83%
16	PNJ	12,404	20,883	4,610	18.8%	28.3%	11.95	2.64	917,191	54,600	-33.14%
17	REE	10,697	33,877	4,779	11.6%	19.1%	7.22	1.02	738,175	34,550	5.23%
18	ROS	1,334	10,380	-72	7.6%	14.0%	-32.71	0.23	14,786,857	2,290	-91.33%
19	SAB	114,469	28,760	6,642	21.4%	29.3%	26.87	6.21	198,530	178,900	-33.67%
20	SBT	8,547	12,299	619	3.0%	8.0%	22.71	1.14	3,015,398	14,050	-12.19%
21	SSI	8,834	16,208	1,718	6.6%	14.4%	8.56	0.91	4,309,845	14,650	-13.88%
22	STB	19,209	15,218	1,349	0.4%	6.3%	7.90	0.70	11,921,141	10,750	2.90%
23	TCB	68,078	19,157	3,103	3.1%	25.6%	6.27	1.02	4,922,865	19,650	-3.71%
24	VCB	304,499	24,127	4,916	1.2%	20.3%	16.70	3.40	1,300,891	82,100	5.51%
25	VHM	261,187	20,856	6,651	0.0%	0.0%	11.94	3.81	4,060,868	79,400	-5.48%
26	VIC	295,963	23,949	2,156	1.6%	5.8%	40.58	3.65	1,089,755	87,400	-27.20%
27	VJC	52,122	28,616	4,390	15.1%	45.4%	22.66	3.48	418,077	100,500	-24.45%
28	VNM	199,388	17,306	6,161	28.5%	38.9%	18.59	6.62	1,772,809	115,600	-1.70%
29	VPB	52,290	19,475	4,126	2.6%	24.1%	5.20	1.10	6,461,856	21,700	12.89%
30	VRE	59,762	12,214	1,058	5.6%	7.9%	24.85	2.15	3,111,931	26,400	-25.92%

(Nguồn: Fiiopro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô

và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô

và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: <https://www.vncsi.com.vn>